

**THÔNG BÁO**  
**Công khai tài chính của cơ sở giáo dục đại học năm học 2022 - 2023**

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Học phí/SV/năm năm học 2021-2022	Dự kiến Học phí/SV của cả khóa học
<b>I</b>	<b>Học phí chính quy chương trình đại trà</b>			
1	Tiến sĩ	Triệu đồng/năm		
2	Thạc sĩ	Triệu đồng/năm	30	60
3	Đại học	Triệu đồng/năm		
3.1	Khối ngành Kinh tế	Triệu đồng/năm	20,7	83
3.2	Khối ngành Kỹ thuật	Triệu đồng/năm	22	88
<b>II</b>	<b>Học phí chính quy chương trình khác</b>			
1	Tiến sĩ	Triệu đồng/năm		
2	Thạc sĩ	Triệu đồng/năm		
3	Đại học	Triệu đồng/năm		
3.1	Đại học liên kết quốc tế	Triệu đồng/năm	50	200
3.2	Đại học chuẩn quốc tế	Triệu đồng/năm	34	136
<b>III</b>	<b>Học phí hình thức vừa học vừa làm</b>			
1	Đại học	Triệu đồng/năm		
<b>IV</b>	<b>Tổng thu năm 2021</b>	<b>Tỷ đồng</b>	<b>559,93</b>	<b>589,26</b>
1	Từ ngân sách	Tỷ đồng	2,8	3



STT	Nội dung	Đơn vị tính	Học phí/SV/năm năm học 2021-2022	Dự kiến Học phí/SV của cả khóa học
2	Từ học phí	Tỷ đồng	531,68	558,26
3	Từ nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ	Tỷ đồng	3,3	4
4	Từ nguồn hợp pháp khác	Tỷ đồng	22,15	24

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 6 năm 2022

**KT. HIỆU TRƯỞNG  
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



**Thái Doãn Thanh**



Số: 1716/QĐ-DCT

TP. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 7 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về ban hành mức học phí năm học 2022-2023**

**HIỆU TRƯỞNG**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP THỰC PHẨM TP. HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ Quyết định 901/QĐ-TTg ngày 23/6/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án thí điểm đổi mới cơ chế hoạt động của Trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2015-2017;

Căn cứ Nghị định 60/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giáo dục Đại học;

Căn cứ Thông tư số 14/2019/TT-BGDĐT ngày 30/8/2019 của Bộ GD&ĐT về hướng dẫn xây dựng, thẩm định, ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật và phương pháp xây dựng giá dịch vụ giáo dục đào tạo áp dụng trong lĩnh vực giáo dục đào tạo;

Căn cứ Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/08/2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục Đào tạo;

Căn cứ Quyết định 2582/QĐ-DCT ngày 26/10/2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm TP. HCM về việc ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 1456/QĐ-DCT ngày 17/7/2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm TP.HCM về việc phê duyệt định mức Kinh tế - Kỹ thuật dịch vụ đào tạo Trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm Thành phố Hồ Chí Minh năm 2020-2021;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Kế hoạch Tài chính,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này là Danh mục mức thu học phí năm học 2022-2023 của Trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm Thành phố Hồ Chí Minh.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Các đơn vị và cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Bộ Công Thương (đề b/c);
- Lưu: VT, KHTC. ✓



## Danh mục mức thu học phí năm học 2022-2023

(Ban hành kèm theo Quyết định số: *MAG/QĐ-DCT* ngày *11* tháng 7 năm 2022 của  
Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm TP. HCM)

TT	Nội dung thu	Đơn vị	Mức thu (đồng)	Ghi chú
<b>I. Học phí hệ đào tạo dài hạn</b>				
01	Đại học chính quy, ĐH vừa học vừa làm, ĐH văn bằng 2, ĐH liên thông (Chính quy và vừa làm vừa học) khóa tuyển sinh 2019 trở về trước	01 TC lý thuyết	585.000	
		01 TC thực hành	755.000	
02	Đại học chính quy, chuẩn quốc tế, ĐH vừa học vừa làm, ĐH văn bằng 2, ĐH liên thông (Chính quy và vừa làm vừa học) khóa tuyển sinh 2020	01 TC lý thuyết	630.000	
		01 TC thực hành	810.000	
03	Đại học chính quy, chuẩn quốc tế, ĐH vừa học vừa làm, ĐH văn bằng 2, ĐH liên thông (Chính quy và vừa làm vừa học) khóa tuyển sinh 2021	01 TC lý thuyết	662.000	
		01 TC thực hành	850.000	
04	Đại học chính quy, chuẩn quốc tế, ĐH vừa học vừa làm, ĐH văn bằng 2, ĐH liên thông (Chính quy và vừa làm vừa học) khóa tuyển sinh 2022	01 TC lý thuyết	730.000	
		01 TC thực hành	935.000	
05	Thạc sĩ	Toàn khóa (4 HK)	60.000.000	
06	Nghiên cứu sinh	01 HK	25.000.000	
07	Anh văn sơ cấp, anh văn 1, 2, A0, A1, A2, B1, B2	Tính theo tín chỉ lý thuyết, tín chỉ thực hành theo mỗi khóa, bậc, hệ đào tạo		
<b>II. Học phí các học phần đặc biệt</b>				
08	Thực tập nghề nghiệp	Tính chung bằng mức tín chỉ lý thuyết cho mỗi khóa, bậc, hệ đào tạo		
09	Khóa luận tốt nghiệp			
10	Đồ án tốt nghiệp			
11	Đồ án học phần			
* Ghi chú				
- Đối với mức học phí đào tạo tại các đơn vị liên kết được thực hiện theo thỏa thuận, tùy vào đặc điểm của đơn vị liên kết.				
- Đối với học viên Cao học, các môn học bổ sung áp dụng mức học phí bằng mức học phí hệ Đại học chính quy theo năm đào tạo.				
- Đối với Nghiên cứu sinh, các môn học bổ sung áp dụng mức học phí bằng mức học phí hệ cao học theo năm đào tạo.				
- Sinh viên đăng ký học lại, cải thiện theo khóa nào thì mức học phí sẽ tính theo khóa đăng ký đó.				
- Ký hiệu viết tắt: TC - Tín chỉ, Học phần - HP, Học kỳ - HK.				



Nguyễn Xuân Hoàn